

Bản án số: 250/2026/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 5 - 2026
V/v *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5- ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Ngô Tấn Nhựt.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Thông và bà Phan Thị Cẩm
Linh.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đức Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân khu
vực 5-Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** bà Nguyễn Trần Anh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- Đà
Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2025/TLST-HNGĐ ngày 20
tháng 10 năm 2025 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4
năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 5- Đà Nẵng giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà **Châu Thị Mỹ H**, sinh năm: 1990. Địa chỉ: **thôn T, xã N, thành phố Đà Nẵng**. Có đơn xin vắng mặt;
2. Bị đơn: ông **Lê Xuân B**, sinh năm: 1983. Địa chỉ: **thôn T, xã N, thành phố Đà Nẵng**. Có đơn xin vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” ngày 03/10/2025, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn bà **Châu Thị Mỹ H** thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông **Lê Xuân B** tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam** (cũ) vào năm 2009. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã nhau, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng đã hết. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5- Đà Nẵng giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Lê Xuân B**.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 01 người con chung là cháu **Lê Ngọc X**, sinh ngày 01/8/2010. Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu **X** cho đến khi cháu **X** trưởng thành đủ 18 tuổi, bà không yêu cầu ông **B** cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, về con chung bà thống nhất giao cháu **Lê Ngọc X**, sinh ngày 01/8/2010 cho ông **B** trực tiếp nuôi dưỡng, bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông **B** không có yêu cầu.

- Về chia tài sản khi ly hôn: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai của ông **Lê Xuân B** ngày 23/3/2026 thể hiện:* Về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung: ông thống nhất theo lời trình bày của bà **H** về quá trình xác lập quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung của ông với bà **H**. Hiện nay bà **H** có yêu cầu ly hôn ông không đồng ý ly hôn với bà **H** vì ông xét thấy giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là mâu thuẫn nhỏ dẫn đến việc hiểu lầm nhau, nguyện vọng của ông muốn vợ chồng đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái, nếu bà **H** kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung ông cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Lê Ngọc X**, sinh ngày 01/8/2010 cho đến khi cháu **X** trưởng thành đủ 18 tuổi do hiện nay cháu **X** đang sinh sống cùng với ông, còn bà **H** hiện nay đã bỏ về sinh sống tại nhà mẹ đẻ của mình. Về chia tài sản khi ly hôn ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con ông không yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn ông **Lê Xuân B**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: bà **Châu Thị Mỹ H** có đơn khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” đối với ông **Lê Xuân B** có nơi cư trú tại: **thôn T, xã N, thành phố Đà Nẵng**. Tòa án xác định đây là quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và xác định bị đơn ông **Lê Xuân B** có nơi cư trú tại **thôn T, xã N, thành phố Đà Nẵng**. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35;

điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Đà Nẵng.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Xét thấy việc xét xử vụ án vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân giữa bà **H**, ông **B**: Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy các bên đã xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **N**, tỉnh **Quảng Nam** (cũ) vào năm 2009. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Qua lời trình bày của các đương sự trong vụ án thể hiện trong quá trình chung sống với nhau giữa bà **H** và ông **B** phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, sau khi xảy ra mâu thuẫn thì vợ chồng không tìm cách giải quyết mâu thuẫn mà bà **H** về nhà mẹ đẻ sinh sống dẫn đến việc vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa, làm cho tình cảm vợ chồng không còn, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **H**, cho bà **H** được ly hôn với ông **B**.

[2.2] Về quan hệ con chung: bà **H**, ông **B** có với nhau 01 người con chung là cháu **Lê Ngọc X**, sinh ngày 01/8/2010. Trong quá trình giải quyết vụ án bà **H** đồng ý giao cháu **X** cho ông **B** trực tiếp nuôi dưỡng, ông **B** thống nhất nhận nuôi dưỡng do đó Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu **X** cho ông **B** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu **X** (cháu **X** có nguyện vọng được ở với ba là ông **Lê Xuân B**). Về cấp dưỡng nuôi con chung do ông **B** không có yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản khi ly hôn: Các bên đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà **Châu Thị Mỹ H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Đà Nẵng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần phải chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Châu Thị Mỹ H** về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” với bị đơn ông **Lê Xuân B**.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà **Châu Thị Mỹ H** được ly hôn với ông **Lê Xuân B**.

2. Về con chung: Giao cháu **Lê Ngọc X**, sinh ngày 01/8/2010 cho ông **Lê Xuân B** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu **X** trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà **Châu Thị Mỹ H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông **B** không có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà **Châu Thị Mỹ H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà **H** đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004162 lập ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà **H** đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5- Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- UBND xã Núi Thành (xã Tam Quang cũ), thành phố Đà Nẵng theo Giấy CNKH số 97/2009, ngày 21/9/2009 để ghi vào sổ hộ tịch;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ + án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Tấn Nhựt

